TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/2018
V/v *xin ly hôn giữa*
Chị B - Anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Đức**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Công Tụ.**
- Bà **Nguyễn Thị Huề**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Quốc Doanh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồ Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 332/2017/HNGĐ-ST ngày 26/12/2017 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang

(Tại phiên tòa có mặt Chị B, Anh T vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng bản tự khai ngày 26/12/2017, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn T tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện P vào ngày 16/8/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã P và đi làm ăn tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và phong tục tập quán dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Năm 2014 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay, Chị B trở về xã Q, huyện Q sinh sống, vợ chồng đoạn tuyệt tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn Anh T.

- Về con chung: Chị B khai vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2008, hiện đang ở với Anh T từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra chị đề nghị để Anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị B khai vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung,không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh Trần Văn T: Tại đơn đề nghị chọn TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ kiện ly hôn và đơn xin xử án vắng mặt đề ngày

15/01/2018 Anh T trình bày: Anh xác nhận lời khai của Chị B về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn anh cũng nhất trí ly hôn Chị B. Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2008, ly hôn xảy ra anh đề nghị xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Chị B cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Về tài sản: Anh xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng Anh T có đơn đề nghị xin xử án vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa gải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên toà hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xử án vắng mặt, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Về quan hệ hôn nhân xử cho Chị B được ly hôn Anh T vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài. Về quan hệ con chung xử giao con chung Trần Văn Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2008 cho Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, Chị B nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Bị đơn có đơn lựa chọn TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ kiện ly hôn, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Anh T.

2.Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn T được xác lập trên cở sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào ngày 16/8/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã P và sau đó đi làm ăn tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Năm 2014 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Chị B đề nghị được ly hôn Anh T. Đối với Anh T trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các giấy tờ cần thiết để Anh T đến toà án tham gia hoà giải để vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng Anh T có đơn xin xử án vắng mặt gửi Tòa án,

trong nội dung đơn anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí xin thuận tình ly hôn. Như vậy Anh T không có thiện chí hoà giải mối quan hệ hôn nhân. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa Chị B và Anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của Chị B, xử cho Chị B được ly hôn Anh T là có căn cứ.

3.Về con chung: Xét yêu cầu của Anh T về nuôi dưỡng con chung cho thấy, Chị B và Anh T có 01 con chung là Trần Văn Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2008 hiện đang ở với Anh T kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra Anh T đề nghị xin được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Chị B cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng, tại biên bản lấy ý kiến của cháu Trần Văn Nguyễn D đề ngày 15/01/2018, cháu Duy cũng có nguyện vọng xin được ở với Anh T. Xét thấy con chung hiện đang sinh sống ổn định và được Anh T nuôi dưỡng chu đáo, Chị B cũng đề nghị giao con chung cho Anh T nuôi dưỡng và nhận cấp dưỡng nuôi con chung như Anh T đề nghị . Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Anh T về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

4.Về tài sản: Chị B, Anh T đều xác nhận vợ tự thỏa thuận phân chia tài sản và không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy phần tài sản Toà án không xét.

5.Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Văn T.

2/Về con chung: Xử giao con chung Trần Văn Nguyễn D, sinh ngày 11/3/2008 cho anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị B nhận cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng Chị B đã nộp theo biên lai thu số 0003516 ngày 26/12/2017 thành tiền án phí.

4/ **Về quyền kháng cáo**: Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ.*
- *THADS huyện Quỳnh Phụ.*
- *Những người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHỏN - CHỦ TỌA PHIờN TOÀ